

Số: 24/2026/NQ-HĐND

Hưng Yên, ngày 09 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định tỷ lệ chi phí quản lý, mức thù lao và chi phí chi trả chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến do ngân sách trung ương đảm bảo trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng số 02/2020/UBTVQH14;

Căn cứ Nghị định số 131/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;

Căn cứ Thông tư số 44/2022/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí chi thường xuyên thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến do ngành Lao động-Thương binh và Xã hội quản lý được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 95/2025/TT-BTC;

Xét Tờ trình số 188/TTr-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định tỷ lệ chi phí quản lý để thực hiện các hoạt động nghiệp vụ về quản lý đối tượng, hồ sơ, quản lý tài chính, kế toán và tổ chức thực hiện chi trả; mức chi trả thù lao cho người trực tiếp chi trả và mức chi phí chi trả cho tổ chức dịch vụ chi trả chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến do ngân sách trung ương đảm bảo trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Báo cáo thẩm tra số 392/BC-BVHXXH ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Ban Văn hóa-Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định tỷ lệ chi phí quản lý, mức thù lao và chi phí chi trả chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến do ngân sách trung ương đảm bảo trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định tỷ lệ chi phí quản lý, mức thù lao và chi phí chi trả chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân người có công với

cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến do ngân sách trung ương đảm bảo trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các đối tượng hưởng chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.

2. Cơ quan, đơn vị được giao quản lý và sử dụng kinh phí chi trả chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến do ngân sách trung ương đảm bảo.

3. Người trực tiếp chi trả trợ cấp và tổ chức dịch vụ chi trả chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến do ngân sách trung ương đảm bảo.

4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, chi trả chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến do ngân sách trung ương đảm bảo.

Điều 3. Tỷ lệ chi phí quản lý, mức chi thù lao và mức chi phí chi trả

1. Tỷ lệ chi phí quản lý

a) Cấp tỉnh bằng 0,18% trên tổng số kinh phí thực hiện các chế độ ưu đãi cho người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến do ngân sách trung ương đảm bảo của tỉnh (*trừ kinh phí hỗ trợ các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng và chi công tác mộ liệt sĩ, nghĩa trang liệt sĩ*).

b) Cấp xã: tỷ lệ chi phí quản lý của từng xã, phường bằng 0,73% trên tổng số kinh phí thực hiện các chế độ ưu đãi cho người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến do ngân sách trung ương đảm bảo của xã, phường (*trừ kinh phí hỗ trợ các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng và chi công tác mộ liệt sĩ, nghĩa trang liệt sĩ*).

2. Mức chi trả thù lao cho người trực tiếp chi trả trợ cấp đến người thụ hưởng bằng 40% trên tổng chi phí quản lý được giao trong dự toán hằng năm của xã, phường.

3. Trường hợp thuê tổ chức dịch vụ chi trả: mức chi phí chi trả trợ cấp bằng 0,3% trên tổng số tiền chi trả chế độ trợ cấp, phụ cấp cho người thụ hưởng thuộc xã, phường.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 09 tháng 7 năm 2026.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên Khóa XVIII Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 09 tháng 7 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Bộ Tài chính (Vụ Pháp chế);
- Bộ Nội vụ (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Sở Tư pháp (Cơ sở dữ liệu Quốc gia về pháp luật);
- Kiểm toán Nhà nước khu vực XI;
- Kho bạc Nhà nước khu vực IV;
- Đảng ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh Hưng Yên;
- Cổng thông tin điện tử Đại biểu nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Hưng Yên;
- Lưu: VT, CV^{HTT}.

CHỦ TỊCH

Trần Quốc Văn